

Số: 03 /2020/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của bản, thôn, xóm,
tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 70/TTr-SNV ngày 04 tháng 02 năm 2020; Báo cáo thẩm định số 498/BC-STP ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La gồm 04 chương 15 điều.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2020 và thay thế Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Vụ CQĐP, Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN và các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin, Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Lưu: VT, NC (D50b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tổ chức và hoạt động của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Bản, tổ dân phố

1. Thôn, bản, xóm,... (gọi chung là bản) được tổ chức ở xã; dưới xã là bản.

2. Tổ dân phố, tiểu khu,... (gọi chung là tổ dân phố) được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.

3. Bản, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bản, tổ dân phố

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bản, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Chương II TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức và hoạt động của bản, tổ dân phố

1. Mỗi bản có Trưởng bản; đối với bản ở xã có từ 150 hộ gia đình trở lên,

bản ở xã biên giới có từ 100 hộ gia đình trở lên được bố trí thêm không quá 01 phó trưởng bản.

2. Mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố; đối với tổ dân phố có quy mô từ 200 hộ trở lên được bố trí thêm không quá 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Căn cứ vào tình hình thực tế, khối lượng công việc và hoạt động của bản, tổ dân phố nếu xét thấy cần thiết thì được bố trí thêm Phó trưởng bản hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn Phó trưởng bản hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố sau khi xin ý kiến của chi ủy và thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động của bản, tổ dân phố

Nội dung hoạt động của bản, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của bản, tổ dân phố.

Điều 6. Điều kiện thành lập bản mới, tổ dân phố mới

1. Trong trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, tổ chức hoạt động của bản, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập bản mới, tổ dân phố mới thì việc thành lập bản mới, tổ dân phố mới phải đạt các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình:

Đối với bản ở xã: có từ 150 hộ gia đình trở lên;

Đối với bản ở xã biên giới: có từ 100 hộ gia đình trở lên;

Đối với tổ dân phố ở phường, thị trấn: có từ 200 hộ gia đình trở lên;

b) Các điều kiện khác:

Cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2. Đối với các trường hợp đặc thù

a) Bản, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, bản hình thành do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, bản nằm ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, bản có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì quy mô bản có từ 50 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Trường hợp ở khu vực biên giới, do việc di dân hoặc để bảo vệ đường biên giới thì việc thành lập bản, tổ dân phố không áp dụng quy định về quy mô số hộ gia đình nêu tại khoản 1 Điều này.

c) Bản, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi đường địa giới hành chính cấp xã thì thực hiện giải thể và thành lập mới bản, tổ dân phố theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì thực hiện ghép cụm dân cư theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 7. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên bản, tổ dân phố

Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên bản, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 8. Quy trình và hồ sơ thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên và đổi tên bản, tổ dân phố

Quy trình và hồ sơ thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên và đổi tên bản, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Khoản 6, Khoản 7 Điều 1 và Khoản 2, Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư hình thành vào bản, tổ dân phố hiện có

Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư hình thành vào bản, tổ dân phố hiện có thực hiện theo Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Khoản 2, Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Chương III

**TRƯỞNG BẢN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ
PHÓ TRƯỞNG BẢN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 11. Tiêu chuẩn Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Tiêu chuẩn Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 12. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Cho thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố: Sau khi xin ý kiến của Chi ủy; Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố thống nhất với Ban Công tác Mặt trận bản, tổ dân phố và báo cáo UBND cấp xã xem xét, ban hành quyết định cho cá nhân thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; trường hợp UBND cấp xã không ban hành quyết định cho thôi làm nhiệm vụ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu lý do.

3. Nhiệm kỳ của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố:

a) Nhiệm kỳ của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm, thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh từ năm 2020 theo nhiệm kỳ 2020-2025.

b) Trường hợp do thành lập bản mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của bản, tổ dân phố cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của bản, tổ dân phố bầu được Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

c) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 13. Chế độ, chính sách đối với Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng các chế độ, chính sách theo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh và các quy định khác của pháp luật.

2. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nội vụ

a) Thẩm định về việc thành lập bản mới, tổ dân phố mới; sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên bản, tổ dân phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

c) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua;

b) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy chế này trên địa bàn quản lý; định kỳ tháng 11 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của cấp trên, báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của bản, tổ dân phố và việc thực hiện Quy chế này về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn bảo đảm theo quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế về tổ chức và hoạt động của bản, tổ dân phố do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tuyên truyền, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Hoàng Quốc Khánh

